

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MINH ĐỨC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MINH ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH DUC TECHNOLOGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MDTI .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108662270

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                | 2750     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                        | 2740     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                  | 2733     |
| 4.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                   | 2732     |
| 5.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                      | 2731     |
| 6.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                   | 2720     |
| 7.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                           | 2710     |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                       | 2640     |
| 9.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                           | 2630     |
| 10. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                               | 2610     |
| 11. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết:<br>Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng | 2790     |
| 12. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                                                                                                   | 2811     |
| 13. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                           | 2812     |
| 14. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                               | 2813     |
| 15. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                             | 2814     |
| 16. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                   | 2815     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                         | 2816        |
| 18. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                             | 2818        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                             | 4321        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                             | 4322        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                           | 3320        |
| 22. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                        | 3312        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                            | 3313        |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                            | 3314        |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                            | 4653        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                      | 4659        |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                  | 4649        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                           | 4759        |
| 30. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ | 4784        |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                                                          | 4610(Chính) |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                               | 8299        |
| 33. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 34. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>-Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                           | 4719        |

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                               | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI QUANG HUY    | P310 A3 Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                      | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    | 030077000031                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ANH DŨNG  | Khu D, Tập thể ngân hàng, Ngõ Quan Thổ 1, Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    | B5558536                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VƯƠNG QUANG LINH | Số 14, ngõ 188 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    | B3884950                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | HOÀNG QUANG HUY  | Số 34 ngách 71 tổ 20B Ngõ Văn Chương II, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 135.000    | 1.350.000.000         | 45,000    | 011975988                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 135.000    | 1.350.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VƯƠNG QUANG LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 23/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B3884950

Ngày cấp: 18/03/2010

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14, ngõ 188 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14, ngõ 188 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội